

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dịch vụ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp

2. Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229A/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 23/TB-TA ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh: 1968; Anh Nguyễn Tường D, sinh: 1990.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim Th, sinh: 1968; Ông Nguyễn Ngọc T, sinh: 1964.

Cùng địa chỉ: ấp Th, xã B, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ông T ủy quyền bà Th tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2022)

(Ông L, anh D có mặt, bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 02/2021 chúng tôi có lãnh làm nhà cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Kim Th với số tiền công là 356.400.000 (Ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng, hai bên chỉ hợp đồng miệng. Sau khi làm nhà xong, ông T và bà Th đã trả cho chúng tôi số tiền 220.000.000 đồng, còn thiếu lại 136.400.000 đồng (có làm biên nhận nợ). Sau đó một tháng ông T có trả được 50.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 86.400.000 đồng đến nay hơn 06 tháng nhưng ông T và bà Th không trả.

Nay, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Ngọc T và vợ là Trần Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn lại là 86.400.000 (Tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng và không yêu cầu tính lãi.

Theo văn bản trình bày ý kiến bà Trần Thị Kim Th trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có hợp đồng bằng miệng xây nhà với ông L và anh D. Sau khi xây nhà xong bàn giao cuối tháng 11/2021 vợ chồng ông bà đã trả cho ông L 310.000.000 đồng, còn lại trong giấy nhận nợ ông L, anh D là 86.400.000 đồng (Trong đó ông L tính thêm 15.000.000 đồng tiền tam cấp, 900.000 đồng tiền sơn La phong – việc tính thêm tiền tam cấp, tiền sơn la phong bà không đồng ý nhưng để vui vẻ đôi bên nên bà đành chấp nhận, 1.000.000 đồng tiền dán gạch) bà cũng đồng ý nhưng do bà mất lòng tin đối với ông L, anh D nên số tiền 86.400.000 đồng bà giữ lại để thuê người khác sửa chữa lại những nơi mà ông L, anh D không sửa được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre phát biểu:

+ Thẩm phán trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng như thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre căn cứ các Điều 513, 517, 519 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 35, 39, 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai cho bà Trần Thị Kim Th để tham gia phiên tòa nhưng bà Th vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền là 86.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ, biên bản hòa giải của UBND xã B ngày 08/7/2022. Bị đơn thừa nhận còn thiếu số tiền 86.400.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Biên nhận nợ và biên bản hòa giải ngày 08/7/2022 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thanh Phú thì bà Trần Thị Kim Th thừa nhận còn thiếu ông L, anh D số tiền 86.400.000 đồng tiền hợp đồng xây nhà. Bà cho rằng phải trừ ra 15.000.000 đồng tiền sửa chữa tam cấp, 900.000 đồng tiền sơn La phong và 1.000.000 đồng tiền dán gạch. Số tiền còn lại 69.500.000 đồng bà Th cũng không đồng ý trả cho ông L và anh D mà để thuê người khác sửa chữa nhưng không được ông L và anh D đồng ý.

Tại phiên tòa, ông L, anh D cho rằng các phần bà Th yêu cầu cần phải sửa chữa, khắc phục thì bà Th phải bỏ tiền ra mua vật tư thì ông sẽ đồng ý sửa chữa, khắc phục lại theo yêu cầu mà không phải tính tiền công. Do bà Th không chịu mua vật tư nên ông không thể thực hiện theo yêu cầu của bà Th được.

Mặc khác, nếu bà Th không đồng ý với việc xây nhà của ông L, anh D thì khi bàn giao nhà bà Th không đồng ý nhận hoặc yêu cầu ông L, anh D khắc phục trước khi trả tiền nhưng bà đã đồng ý nhận nhà và trình bày là đã trả được 310.000.000 đồng, sau đó lập biên nhận nợ và thừa nhận còn nợ lại 86.400.000 đồng. Khi ông L, anh D khởi kiện, nếu bà Th không đồng ý trả số tiền nêu trên thì bà Th có quyền yêu cầu phản tố đối nguyên đơn để khấu trừ số nợ nêu trên.

Do bà Th đã thừa nhận còn thiếu tiền ông L và anh D và không có yêu cầu phản tố nên yêu cầu khởi kiện của ông L, anh D là có căn cứ nên được chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Ngọc T và vợ là Trần Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L, anh D số tiền 86.400.000 (Tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 513, 517, 519 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Tường D đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Kim Th.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Tường D số tiền là 86.400.000 (Tám mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 4.320.000 (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Kim Th có nghĩa vụ liên đới nộp. Tuy nhiên, do bà Th là thân nhân gia đình liệt sỹ nên theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bà Th được miễn án phí, ông Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ nộp số tiền còn lại là 2.160.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Tường D số tiền 2.160.000 (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0007457 ngày 06/10/2022.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí